

Bản án số: 10/2025/HNGĐ - ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2025
V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI - HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Quang Dự

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vũ Hòa và: Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/5/2025; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh ngày 15/6/1990 - Có mặt

Nơi cư trú: Xóm Chỉ B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh ngày 10/10/1989 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm Chỉ B, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày và yêu cầu như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và anh Bùi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/8/2012 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình, trong quá trình sinh sống hai bên mâu thuẫn về tình cảm, chồng tôi hay uống rượu cờ bạc, có những bạo lực đối với tôi, đánh đập chửi bới tôi trước mọi người trong xóm, bạn bè tôi, tôi nhiều lần tha thứ nhưng anh Bùi Văn T không thay đổi. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn T.

- *Về con chung:* Có 02 con chung Bùi Diệu Ng, sinh ngày 11/03/2013 và Bùi Tuấn N, sinh ngày 02/5/2020, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi

con, yêu cầu anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con 02 con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Công nợ chung*: Không

* *Anh Bùi Văn Tiếp trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Tôi và chị Bùi Thị B, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/8/2012 tại UBND xã H, huyện K, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi hay hiểu lầm vợ, không kiểm chế được bản thân dẫn đến có những hành vi không đúng mực đối với vợ, nay chị Bùi Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn tôi, tôi mong muốn chị B bỏ qua những sai lầm của tôi, để cho tôi được sửa sai tôi chưa đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị B.

- *Về con chung*: Có 02 con chung Bùi Diệu Ng, sinh ngày 11/03/2013 và Bùi Tuấn N, sinh ngày 02/5/2020, nếu phải ly hôn tôi đồng ý chị B là người trực tiếp nuôi 02 con, tôi cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng, đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Công nợ chung*: Không

Tại phiên tòa chị Bùi Thị B thay đổi nội dung chưa yêu cầu anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con, các yêu cầu khác chị giữ nguyên và không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do, anh không có ý kiến yêu cầu gì thêm khác.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi phát biểu ý kiến*:

- *Về thủ tục Tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã đảm bảo được thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử (*HĐXX*) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị B. Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Bùi Văn T; Về con chung: Có 02 con chung Bùi Diệu Ng, sinh ngày 11/03/2013 và Bùi Tuấn N, sinh ngày 02/5/2020, các đương sự thỏa thuận sau khi ly hôn chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi con, ý kiến của cháu Bùi Diệu Ng nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sinh sống cùng chị B, xét thấy thỏa thuận và ý kiến của các bên là đúng pháp luật đề nghị HĐXX ghi nhận thỏa thuận trên, giao 02 con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu khác; Về tài

sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập; Về án phí chị Bùi Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Căn cứ áp dụng luật Tố tụng*: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn T hiện đang cư trú tại xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Căn cứ áp dụng luật nội dung*: Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn hợp pháp, nên áp dụng Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] *Nội dung vụ án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

+ Chị Bùi Thị B và anh Bùi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/8/2012, tại UBND xã H, huyện K, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh chị là vợ chồng được pháp luật công nhận. Thời gian vợ chồng chung sống do anh T hay uống rượu, cờ bạc, có những hành vi bạo lực đối với chị B, như đánh đập, chửi bới chị trước mọi người trong xóm, bạn bè chị, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Bùi Văn T không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng và bạo lực gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không khắc phục được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Bùi Văn T.

+ Ý kiến anh Bùi Văn T: Quá trình chung sống vợ chồng anh đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh hay hiểu lầm vợ, không kiềm chế được bản thân dẫn đến có những hành vi không đúng mực đối với chị B, nay chị Bùi Thị B yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn anh, anh mong muốn chị B bỏ qua những sai lầm của anh, để cho anh được sửa sai nên anh chưa đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị B.

HĐXX xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành Hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, sau đó chị Bùi Thị B có đơn đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải, chị vẫn yêu cầu được ly hôn anh Bùi Văn T, mặc dù mong muốn chị B về đoàn tụ, nhưng anh không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, để vợ chồng tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh vẫn có hành động bạo lực, xúc phạm chị B. Kết quả xác minh tại nơi cư trú, quá trình chung sống do anh T hay ghen tuông, nhiều

lần hành hung, đánh đuổi chị B, hai bên gia đình đã khuyên bảo động viên anh T nhưng anh vẫn không thay đổi.

Như vậy ý kiến của anh T không đồng ý ly hôn, anh mong chị B cho anh thời gian để sửa chữa sai lầm là không có căn cứ. HĐXX không chấp nhận ý kiến của anh, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T là trầm trọng không thể khắc phục, vợ chồng sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, có hành vi bạo lực gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị B, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Có 02 con chung Bùi Diệu Ng, sinh ngày 11/03/2013 và Bùi Tuấn N, sinh ngày 02/5/2020

+ Ý kiến của chị B sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, chưa yêu cầu anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con.

+ Ý kiến anh Bùi Văn T trong các văn bản tố tụng, anh đồng ý với ý kiến của chị Bích về người trực tiếp con, sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị Bùi Thị B và anh Bùi Văn T thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con thỏa thuận trên không trái pháp luật, ý kiến của cháu Bùi Diệu Ng nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sinh sống cùng chị Bích, nên ghi nhận thỏa thuận của chị B và anh T, giao 02 con Bùi Diệu Ng và Bùi Tuấn N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu khác.

- *Về tài sản, công nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết, không có nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị Bùi Thị B phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị B.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị B được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. *Về con chung*: Giao 02 con Bùi Diệu Ng, sinh ngày 11/03/2013 và Bùi Tuấn N, sinh ngày 02/5/2020 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 02

con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu khác; anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. *Tài sản, công nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có.

4. *Án phí*: Chị Bùi Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị B được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0003359 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Thi hành án DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Hùng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Quang Dự